

### **3.5. Tiêu viêm (antiinflammatory) :**

Cam thảo  
Cỏ tai hồ  
Cỏ hàn the  
Cát cánh  
Bảy lá một hoa  
Diếp cá (rau)  
Đan sâm  
Đậu đỏ nhỏ  
Địa phu tử  
Đỗ trọng bắc  
Độc hoạt  
Đơn kim  
Đơn tướng quân  
Đương quy  
Hậu phác  
Hoàng cầm  
Hoàng liên (chân gà, gai, ô rô)  
Hoàng đằng  
Hương phụ  
Kim ngân  
Lan thủy tiên  
Liên kiều  
Long đởm  
Mạch môn  
Mẫu đơn bì  
Mò hoa trắng  
Nghệ vàng  
Ngưu tất  
Phòng phong  
Rau má  
Rau má lông  
Rẻ quạt (Xạ can)  
Sài hồ  
Sinh địa  
Sinh khương (Gừng sống)  
Tam thất bắc  
Thăng ma  
Tri mẫu  
Xích thược

### **3.6. Ung nhọt :**

Bồ kết  
Cát cánh

Châm mề  
Diếp cá (rau)  
Đan sâm  
Đậu đỏ nhỏ  
Gấc (hạt)  
Liên kiều  
Mộc dược  
Nhũ hương  
Thiên hoa phấn  
Xuyên khung

### **3.7. Eczema, lở :**

Diếp cá (rau)  
Đơn lá đỏ  
Đơn nem  
Ké đầu ngựa  
Kim ngân  
Khúc khắc (Thỏ phục linh)  
Long đởm  
Lỗ địa cúc  
Nhi trà  
Ngưu bàng  
Sài đất  
Thanh cao  
Vạn niên thanh  
Xu xi

### **3.8. Hắc lao :**

Muồng trâu (lá)

### **3.9. Ghé :**

Dầu hạt máu chó

## **4. Thuốc về hệ tuần hoàn, tim mạch, gan, mật**

### **4.1. Bồi tim (cardiotonic) :**

Bá tử nhân  
Đỗ trọng bắc  
Hà thủ ô đỏ (cu dây)  
Hoàng kỳ bắc  
Liên kiều  
Long nhãn  
Mạch môn  
Nhân sâm